

BỘ NỘI VỤ

Số: 96/2005/QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Về việc phê duyệt bản Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam và Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ Hội Tin học Việt Nam đã được Đại hội thứ V ngày 10 tháng 11 năm 2002 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Tin học Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

ĐIỀU LỆ

HỘI TIN HỌC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 96/2005/QĐ-BNV

ngày 13 tháng 9 năm 2005 của Bộ Nội vụ)

Chương I

TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1.Tên gọi

Hội lấy tên là Hội Tin học Việt Nam.

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là Vietnam Association for Information Processing, tên viết tắt là VAIP.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức tự nguyện của các cá nhân, tập thể hoạt động nghiên cứu, đào tạo, phổ biến, ứng dụng, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực Công nghệ thông tin - Truyền thông (sau đây viết tắt là CNTT-TT) và những người quan tâm đóng góp hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển CNTT-TT của Việt Nam.

2. Mục đích của Hội là tập hợp lực lượng để góp phần đẩy mạnh nghiên cứu, đào tạo, phổ biến, ứng dụng và phát triển CNTT-TT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Hội Tin học Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính.

2. Hội Tin học Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, tuân thủ theo luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và là hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

3. Hội có trụ sở tại Hà Nội và có thể thành lập văn phòng đại diện tại một số địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài sản, tài chính và cơ quan ngôn luận riêng.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 4. Các nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu của Hội

1. Động viên tinh thần tích cực và khả năng sáng tạo của hội viên nhằm thúc đẩy việc ứng dụng và phát triển CNTT-TT; sử dụng hiệu quả những thành tựu của CNTT-TT phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; đồng thời giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên trong hoạt động CNTT-TT.

2. Tổ chức và giúp đỡ hội viên trong các hoạt động liên kết kinh tế - khoa học và ứng dụng CNTT-TT, các loại hình sản xuất, dịch vụ CNTT-TT qua đó góp phần tạo thêm việc làm cho hội viên.
3. Tạo điều kiện cho hội viên nâng cao trình độ nghiệp vụ bằng nhiều hình thức khác nhau (như mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các câu lạc bộ khoa học kỹ thuật về CNTT-TT, cấp học bổng tu nghiệp, tổ chức tham quan khảo sát ở trong nước và nước ngoài, trao tặng các giải thưởng CNTT-TT). Tạo điều kiện cho mọi đối tượng công tác, học tập, nghiên cứu và ứng dụng CNTT-TT trong mọi lĩnh vực kinh tế, sản xuất và đời sống.
4. Xuất bản ấn phẩm các loại về CNTT-TT theo quy định của pháp luật. Tổ chức thông tin khoa học kỹ thuật về CNTT-TT. Phổ biến rộng rãi kiến thức cơ bản, thành tựu mới, công trình nghiên cứu và sáng chế, phát minh trong nghiên cứu và ứng dụng CNTT-TT cho hội viên và mọi người dân.
5. Liên hệ với các hội và các tổ chức CNTT-TT ở nước ngoài để đẩy mạnh hợp tác quốc tế về CNTT-TT, tạo điều kiện cho hội viên gặp gỡ, trao đổi và hợp tác với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực CNTT-TT ở các nước và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật. Tập hợp, khuyến khích và động viên người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về CNTT-TT ở trong nước.
6. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức quần chúng khác để kiến nghị, đề xuất về chính sách phát triển và ứng dụng CNTT-TT; về phương hướng, kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện; về nội dung và chương trình giảng dạy CNTT-TT ở các cấp học; giới thiệu những hội viên có năng lực vào các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng CNTT-TT của Nhà nước.
7. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT-TT của Nhà nước và xã hội.
8. Tích cực tham gia các hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên

1. Hội viên cá nhân. Hội viên của các Hội Tin học thành viên đương nhiên là hội viên của Hội Tin học Việt Nam. Ngoài ra, mọi công dân Việt Nam nếu tán thành tôn chỉ, mục đích và Điều lệ của Hội Tin học Việt Nam đang hoạt động trong lĩnh vực CNTT-TT, nhiệt tình ủng hộ và tham gia nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và ứng dụng CNTT-TT, tự nguyện tham gia các hoạt động của Hội, đều có thể gia nhập Hội thông qua các Chi hội của Hội Tin học Việt Nam.

Mọi hội viên cá nhân của Hội Tin học Việt Nam phải sinh hoạt tại một trong các tổ chức của Hội như Hội Tin học thành viên hoặc Chi hội.

2. Hội viên tập thể. Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực CNTT-TT, có tư cách pháp nhân, có quy mô hoạt động liên tỉnh hoặc toàn quốc, tán thành tôn chỉ, mục đích và Điều lệ Hội, có thể xin gia nhập Hội.

Việc công nhận Hội viên tập thể do Ban Thường vụ xem xét quyết định.

Điều 6. Quyền lợi của hội viên

1. Hội viên cá nhân.

a) Tham gia mọi sinh hoạt của Hội, thảo luận và biểu quyết mọi mặt công tác của Hội, bầu cử và ứng cử vào Ban Chấp hành các cấp của Hội.

b) Kiến nghị với Hội và các tổ chức của Hội để được giúp đỡ, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ CNTT-TT. Được Hội tạo điều kiện đưa các kết quả nghiên cứu, ứng dụng CNTT-TT, các sáng chế, phát minh vào sản xuất và đời sống. Ưu tiên công bố các kết quả nghiên cứu ứng dụng trong các tạp chí, ấn phẩm của Hội.

c) Được cung cấp thông tin thường xuyên về các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực CNTT-TT, tạo điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ trao đổi với những người làm CNTT-TT ở trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ, khả năng thực hiện các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng về CNTT-TT.

d) Được cấp thẻ "Hội viên Hội Tin học Việt Nam" hoặc thẻ của Hội Tin học thành viên và sử dụng thẻ này khi tham gia các sinh hoạt và hoạt động của Hội. Thẻ của hội viên

các Chi hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội cấp; thẻ của hội viên Hội Tin học thành viên do Ban Chấp hành Hội Tin học thành viên cấp.

e) Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng.

f) Được xin ra khỏi Hội bất cứ lúc nào khi có nguyện vọng. Trường hợp xin ra khỏi Hội phải nộp lại thẻ hội viên cho tổ chức của Hội nơi mình tham gia sinh hoạt.

2. Hội viên tập thể.

a) Tham gia sinh hoạt, thảo luận và biểu quyết mọi công việc chung của Hội.

b) Cử đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

c) Được cấp Giấy chứng nhận "Hội viên tập thể của Hội".

d) Được Hội tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động và được hưởng các quyền lợi khác do Hội quy định.

Điều 7. Nghĩa vụ của Hội viên

1. Tuân thủ Điều lệ Hội, thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Hội. Tích cực hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ được Hội phân công.

2. Thường xuyên tham gia công tác tuyên truyền, phát triển hội viên mới.

3. Đóng hội phí đầy đủ.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 8. Tổ chức của Hội

1. Tổ chức của Hội Tin học Việt Nam gồm.

a) Ở Trung ương: Hội Tin học Việt Nam.

b) Các tổ chức Hội thành viên.

c) Ở cơ sở: Chi hội.

Việc thành lập các tổ chức Hội thành viên theo quy định của Nghị định 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý Hội.

2. Những nơi chưa đủ điều kiện thành lập các tổ chức thành viên có thể thành lập Chi hội tin học thuộc Hội Tin học Việt Nam.

Điều 9. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội